

Việt Trì, ngày 19 tháng 4 năm 2019

Số: 134/2019/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: : Anh **Đào VQ**, sinh năm 1964.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1966.

Đều ĐKKHKT: Số nhà A, tổ A, khu A, ngõ B, đường ND, phường NT, VT, PT

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đào VQ và chị Nguyễn Thị V

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Đào VQ và chị Nguyễn Thị V thống nhất xác định vợ chồng có ba con chung là Đào X P, sinh ngày 23/9/1990; Đào Đ T, sinh ngày 06/1/1993; Đào Q V, sinh ngày 11/5/1995. Hiện nay các cháu đó khôn lớn trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đào VQ và chị Nguyễn Thị V tự nguyện thỏa thuận về việc chia tài sản chung là đất không gồm tài sản trên đất (Theo biên bản tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày 12/04/2019) và đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện như sau:

+ Anh Đào VQ được toàn quyền sở hữu, sử dụng định đoạt và được làm thủ tục tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất diện tích 81,9m² (đất ở) có chỉ giới 1,2,3,4,5,6,15,14 tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 645588 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp ngày 13/3/2003 đứng tên hộ ông Đào VQ tại địa chỉ tổ tổ A, khu A, ngõ B, đường ND, phường NT, VT, PT.

Tạm giao cho anh Đào VQ được sử dụng và được làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất diện tích 72,1 m² có chỉ giới 6,7,8,16,15 tại địa chỉ tổ tổ A, khu A, ngõ B, đường ND, phường NT, VT, PT. (Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 21 tháng 3 năm 2019)

Như vậy, sau khi thỏa thuận về tài sản chung là đất không gồm tài sản trên đất, anh Đào VQ có diện tích đất là 154,0m² (trong đó đất đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 81,9m², đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 72,1m²)

+ Chị Nguyễn Thị V được toàn quyền sở hữu, sử dụng định đoạt và được làm thủ tục tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất diện tích 62,2m² (đất ở) có chỉ giới 11,12,13,14,15 tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 645588 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp ngày 13/3/2003 đứng tên hộ ông Đào VQ tại địa chỉ tổ tổ A, khu A, ngõ B, đường ND, phường NT, VT, PT

Tạm giao cho chị Nguyễn Thị V được sử dụng và được làm thủ tục tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất diện tích 67,0m² có chỉ giới 9,10,11,15,16 tại địa chỉ tổ A, khu A, ngõ B, đường ND, phường NT, VT, PT. (Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 21 tháng 3 năm 2019).

Như vậy, sau khi thỏa thuận về tài sản là đất không gồm tài sản trên đất, chị Nguyễn Thị V có diện tích đất là 129,2m² (trong đó đất đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 62,2m², đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 67,0m²).

Về phần tài sản trên đất và các đồ dùng sinh hoạt gia đình khác: Anh Q và chị V thống nhất tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

(Không còn tài sản nào khác mà chưa được xem xét để chia trong quá trình giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình này. Hai bên không còn thắc mắc, khiếu kiện, khiếu nại lẫn nhau nữa.)

Về nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh Đào VQ và chị Nguyễn Thị V thống nhất xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí Anh Đào VQ tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

(Xác nhận anh Đào VQ đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002938 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố VT, tỉnh PT).

Hoàn lại cho anh Đào VQ số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. VT;
- UBND phường VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thơm